

BIÊN BẢN HỌP
Đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND thị xã năm 2021

Thực hiện Quyết định số 216/QĐ-UBND, ngày 23/02/2021 của UBND thị xã về Thành lập Đoàn đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND thị xã Hương Trà năm 2021.

Hôm nay, lúc 8 giờ 00 ngày 25/10/2021 Đoàn đánh giá nội bộ thị xã tổ chức họp đánh giá nội bộ tại các Phòng chuyên môn thuộc phạm vi áp dụng HTQLCL hiện tại của UBND thị xã.

I. Thành phần:

Chủ trì:

- Bà Dương Thị Minh Thi- Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND- Trưởng đoàn.
- Các thành viên Đoàn đánh giá tại Quyết định số 216/QĐ-UBND, ngày 23/02/2021 của UBND thị xã.

- Thư ký: ông Đào Văn Đại

II. Nội dung:

Trưởng đoàn thông báo nội dung làm việc, chương trình, thời gian đánh giá việc xây dựng, áp dụng, vận hành, duy trì cải tiến HTQLCL tại các cơ quan thuộc UBND thị xã.

Các thành viên đoàn tiến hành kiểm tra, rà soát các quy trình, Các quyết định liên quan đến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; Việc phổ biến Mục tiêu chất lượng, kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng; Kiểm soát tài liệu; Kiểm soát hồ sơ.

Sau khi rà soát, kiểm tra Đoàn thống nhất một số nội dung sau:

1.Sửa đổi, bổ sung quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Phòng Quản lý đô thị, cụ thể:

1.1. Số quy trình cần sửa đổi, bổ sung: 17 quy trình.

1.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung

1.2.1. Điều chỉnh, bổ sung, bãi bỏ căn cứ pháp lý do có sự thay thế, sửa đổi các quy phạm pháp luật trong các TTHC; gồm 15 Quy trình, cụ thể

- Các Quy trình gồm: QT-TT-HĐXD-01 “Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình”, QT-TT-HĐXD-02 “Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình” QT-TT-HĐXD-03 “Cấp giấy phép di dời công trình”, QT-TT-HĐXD-04 “Điều chỉnh giấy phép xây dựng”, QT-TT-HĐXD-05 “Gia hạn giấy phép xây dựng”, và QT-TT-HĐXD-06 “Cấp lại giấy phép xây dựng”

+ Bổ sung:

* Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

* Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số

65/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Điều chỉnh, thay thế

* Thay thế “Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình” bằng “Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng”.

* Thay thế mẫu đơn đề nghị cấp GPXD theo mẫu phụ lục II Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021.

+ Bãi bỏ

* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

* Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

* Bảng kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế.

- Quy trình: QT-TT-HĐXD-07 “*Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)*”

+ Bổ sung:

* Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

* Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

* Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

* Thông tư số 12/2021/TT-BXD ban hành định mức xây dựng.

* Thông tư số 13/2021/TT-BXD hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

* Thông tư 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính hông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

+ Điều chỉnh, thay thế

* Thay thế “Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình” bằng “Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng”.

* Thay thế “Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng” bằng “Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng cấp công trình xây dựng trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng”.

+ Bãi bỏ

* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

* Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Quy trình: QT-TT-QH-08 “*Cung cấp thông tin quy hoạch*”

+ **Bổ sung:**

* Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

* Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.

* Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, việc cung cấp thông tin quy hoạch bằng văn bản.

+ **Điều chỉnh, thay thế**

* Điều chỉnh thời gian xử lý từ 05 ngày thành 15 ngày.

* Điều chỉnh quy trình xử lý từ tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Quản lý đô sang Trung tâm hành chính công thị xã.

* Điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt từ Phòng Quản lý đô thị sang thẩm quyền của UBND thị xã.

- Các Quy trình gồm: QT-TT-QH-01 “Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (*gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết*)”, QT-TT-QH-02 “Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (*gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết*)”, QT-TT-QH-03 “Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng nông thôn”, QT-TT-QH-04 “Thẩm định, phê duyệt đồ án

quy hoạch đô thị (*gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết*)” QT-TT-QH-05 “Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù(*gồm quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết*)” QT-TT-QH-06 “Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn” QT-TT-QH-07 “Thẩm định, phê duyệt quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng”

+ **Bổ sung:**

* Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

* Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009.

* Luật số 35/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, việc cung cấp thông tin quy hoạch bằng văn bản.

* Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

+ **Điều chỉnh, thay thế**

* Thay thế “Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị” bằng “Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị”.

1.2.2. *Điều chỉnh thời gian xử lý của quy trình thực hiện:* Gồm 17 quy trình, cụ thể, Điều chỉnh từ đơn vị ngày sang đơn vị giờ.

1.2.3. *Điều chỉnh thẩm quyền giải quyết TTHC:* Gồm 01 quy trình, cụ thể

- Quy trình QT-TT-QH-08 “*Cung cấp thông tin quy hoạch*” từ Phòng Quản lý đô

thị sang UBND thị xã Hương Trà (theo Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế).

2. Sửa đổi, bổ sung quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Phòng Quản lý đô thị, cụ thể:

2.1. Số TTHC cần sửa đổi, bổ sung: 07 TTHC

2.2. Lĩnh vực đăng ký kinh doanh hộ cá thể

2.2.1. Thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh

+ **Bãi bỏ:** Căn cứ pháp lý: Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

Thay thế: Căn cứ pháp lý: Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

2.2.2. Thủ tục tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh

+ **Bãi bỏ:** Căn cứ pháp lý: Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

Thay thế: Căn cứ pháp lý: Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

2.2.3. Thủ tục chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

+ **Bãi bỏ:** Căn cứ pháp lý: Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

Thay thế: Căn cứ pháp lý: Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

Bổ sung Thành phần hồ sơ

2.3. Lĩnh vực đầu tư xây dựng

2.3.1. Thẩm định chủ trương đầu tư xây dựng công trình.

+ **Bãi bỏ:**

Căn cứ pháp lý:

Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thay thế:

Căn cứ pháp lý:

Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.3.2. Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

+ **Bãi bỏ:** Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng

vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thay thế:

Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.3.3. Trình phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình

+ **Bãi bỏ:**

Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thay thế:

Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng

- Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.3.4. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình.

+ **Bãi bỏ:**

Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thay thế:

Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về công tác quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công; vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Sửa đổi, bổ sung quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Phòng GDĐT, cụ thể:

3.1. Quy trình Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục:

+ Thời gian xử lý hiện hành: 35 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 25 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ trường mầm non thay thế Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Điều lệ trường mầm non;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.2. Quy trình Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục

+ Thời gian xử lý hiện hành: 30 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 20 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ trường mầm non thay thế Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Điều lệ trường mầm non;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.3. Quy trình Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại

+ Thời gian xử lý hiện hành: 30 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 20 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.4. Quy trình Sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ

+ Thời gian xử lý hiện hành: 35 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 20 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ trường mầm non thay thế Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Điều lệ trường mầm non;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.5. Quy trình Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ

+ Thời gian xử lý: Không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ trường mầm non thay thế Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Điều lệ trường mầm non;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.6. Quy trình Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục.

+ Thời gian xử lý hiện hành: 40 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 20 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học thay thế Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.7. Quy trình Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học thay thế Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về

điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.8. Quy trình Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại.

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học thay thế Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.9. Quy trình sáp nhập, chia tách trường tiểu học.

+ Thời gian xử lý hiện hành: 40 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 20 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học thay thế Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.10. Quy trình giải thể trường tiểu học.

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ trường tiểu học thay thế Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.11. Quy trình thành lập trường THCS công lập hoặc cho phép thành lập trường THCS tư thục.

+ Thời gian xử lý hiện hành: 40 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 25 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.12. Quy trình Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục.

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.13. Quy trình Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại.

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.14. Quy trình Sáp nhập, chia tách trường THCS.

+ Thời gian xử lý hiện hành: 40 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 25 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.15. Quy trình Giải thể trường THCS.

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.16. Quy trình Tuyển sinh trung học cơ sở.

Quy trình mới được quy định trong Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Công bố Danh mục Thủ tục hành chính được chuẩn hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

3.17. Quy trình Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục.

Quy trình mới được quy định trong Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Công bố Danh mục Thủ tục hành chính được chuẩn hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

3.18. Quy trình Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục.

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.19. Quy trình Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc bán trú.

+ Thời gian xử lý hiện hành: 40 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 25 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.20. Quy trình Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú thành trường phổ thông công lập.

+ Thời gian xử lý hiện hành: 15 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 07 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.21 Quy trình Thành lập Trung tâm Học tập cộng đồng.

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

3.22. Quy trình Cho phép Trung tâm Học tập cộng đồng hoạt động trở lại.

+ Thời gian xử lý không thay đổi.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

3.23. Quy trình Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận

Quy trình mới được quy định trong Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Công bố Danh mục Thủ tục hành chính được chuẩn hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

3.24. Quy trình Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường THCS tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học cao nhất là THCS do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.

Quy trình mới được quy định trong Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Công bố Danh mục Thủ tục hành chính được chuẩn hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

3.24. Quy trình Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, THCS ở xã thôn đặc biệt khó khăn.

Thời gian xử lý hiện hành: 25 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 13 ngày.

3.25. Quy trình Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo

- Gộp cả 02 quy trình: Quy trình Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi và quy trình Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi.

+ Thời gian xử lý hiện hành: 10 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 24 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non thay thế Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011-2015.

3.25. Quy trình Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

Quy trình mới được quy định trong Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Công bố Danh mục Thủ tục hành

chính được chuẩn hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

3.27. Quy trình Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.

Quy trình mới được quy định trong Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Công bố Danh mục Thủ tục hành chính được chuẩn hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

3.28. Quy trình Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú.

+ Thời gian xử lý hiện hành: 45 ngày; thời gian xử lý sau khi rà soát: 35 ngày.

+ Căn cứ pháp lý:

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019 của Quốc hội thay thế Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 năm 2005 của Quốc hội;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học thay thế cho Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Bổ sung: Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các trường phổ thông có nhiều cấp học.

4. Sửa đổi, bổ sung quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu giải quyết của Phòng Tư pháp, cụ thể:

4.1. *Số quy trình cần sửa đổi, bổ sung:* 16 TTHC.

4.2. Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài; Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài; Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài; Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài; Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài; Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài; Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài; Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài; Cấp bản sao Trích lục hộ tịch; Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài; Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài; Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc; Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch);

Bãi bỏ: Căn cứ pháp lý Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành ngày 16/11/2015 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật hộ tịch

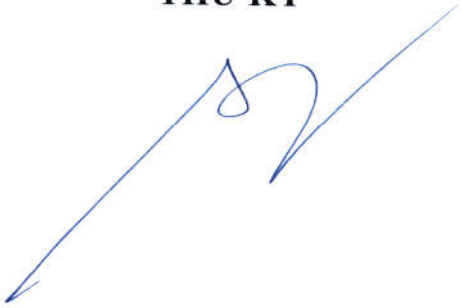
Thay thế: Căn cứ pháp lý Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định

123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật hộ tịch.

Qua rà soát các quy trình đã có thay đổi căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, đề nghị các cơ quan đơn vị tiến hành khắc phục sự không phù hợp, điều chỉnh, thay đổi hoàn chỉnh sửa đổi quy trình TTHC.


Biên bản kết thúc lúc 16 giờ cùng ngày./.

THƯ KÝ



Đào Văn Đại

CHỦ TRÌ HỌP



Dương Thị Minh Thi